

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

NGUYỄN THỊ THU

**GIÁ TRỊ LIÊN KẾT CỦA TỪ NÓI  
THEO PHẠM TRÙ TƯƠNG PHẢN - NHƯỢNG BỘ  
(QUA TRUYỆN NGẮN CỦA NAM CAO,  
NGUYỄN MINH CHÂU, NGUYỄN NGỌC TU)**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ VIỆT NAM**

**THÁI NGUYÊN - 2014**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

**NGUYỄN THỊ THU**

**GIÁ TRỊ LIÊN KẾT CỦA TỪ NÓI  
THEO PHẠM TRÙ TƯƠNG PHẢN - NHƯỢNG BỘ  
(QUA TRUYỆN NGẮN CỦA NAM CAO,  
NGUYỄN MINH CHÂU, NGUYỄN NGỌC TU)**

**Chuyên ngành: Ngôn ngữ Việt Nam**

**Mã số: 60.22.01.02**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ VIỆT NAM**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Phạm Văn Tình**

**THÁI NGUYÊN - 2014**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất cứ một công trình khoa học nào ./.

*Thái Nguyên, ngày 20 tháng 8 năm 2014*

**Tác giả luận văn**

**Nguyễn Thị Thu**

## LỜI CẢM ƠN

Trong thời gian học tập khóa học đào tạo Thạc sĩ tại trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, tôi đã nhận được sự động viên, giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi của các thầy, cô giáo, bạn bè và đồng nghiệp. Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các thầy, cô giáo, bạn bè, đồng nghiệp đã giúp đỡ tôi trong thời gian qua.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới PGS. TS Phạm Văn Tình – người đã tận tình hướng dẫn tôi hoàn thành luận văn này ./.

*Thái Nguyên, ngày 20 tháng 8 năm 2014*

**Tác giả luận văn**

**Nguyễn Thị Thu**

## MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan .....	i
Lời cảm ơn.....	ii
Mục lục .....	iii
Danh mục các bảng.....	iv
<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>1. Lí do chọn đề tài</b> .....	<b>1</b>
<b>2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu</b> .....	<b>3</b>
<b>3. Lịch sử vấn đề</b> .....	<b>3</b>
<b>3.1. Ngoài nước</b> .....	<b>3</b>
<b>3.2. Trong nước</b> .....	<b>4</b>
<b>4. Mục đích, và nhiệm vụ nghiên cứu</b> .....	<b>5</b>
<b>4.1. Mục đích nghiên cứu</b> .....	<b>5</b>
<b>4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu</b> .....	<b>5</b>
<b>5. Phương pháp nghiên cứu</b> .....	<b>6</b>
<b>6. Đóng góp của luận văn</b> .....	<b>7</b>
<b>7. Cấu trúc luận văn</b> .....	<b>7</b>
<b>Chương 1: CƠ SỞ LÝ THUYẾT</b> .....	<b>8</b>
<b>1.1. Khái quát về ngữ pháp văn bản</b> .....	<b>8</b>
<b>1.1.1. Văn bản</b> .....	<b>8</b>
<b>1.1.2. Diễn ngôn</b> .....	<b>9</b>
<b>1.2. Liên kết văn bản</b> .....	<b>9</b>
<b>1.2.1. Liên kết</b> .....	<b>9</b>
<b>1.2.2. Lịch sử nghiên cứu ngoài nước</b> .....	<b>10</b>
<b>1.2.3. Lịch sử nghiên cứu trong nước</b> .....	<b>13</b>
<b>1.2.4. Phương tiện liên kết và phương thức liên kết</b> .....	<b>14</b>
<b>1.2.5. Liên kết logic và liên kết ngữ nghĩa</b> .....	<b>15</b>
<b>1.2.5.1. Liên kết logic</b> .....	<b>15</b>
<b>1.2.5.2. Liên kết ngữ nghĩa</b> .....	<b>19</b>
<b>1.3. Phép nối trong hệ thống các phép liên kết văn bản</b> .....	<b>19</b>
<b>1.3.1. Khái quát về một số phép liên kết văn bản</b> .....	<b>20</b>

1.3.1.1. <i>Phép quy chiếu</i> .....	20
1.3.1.2. <i>Phép thế</i> .....	22
1.3.1.3. <i>Phép tỉnh lược</i> .....	23
1.3.1.4. <i>Phép liên kết từ vựng</i> .....	23
1.3.2. <i>Phép nối</i> .....	25
1.4. Các từ nối thuộc phạm trù Tương phản - Nhượng bộ .....	28
1.5. Vài nét về tác giả Nam Cao, Nguyễn Minh Châu và Nguyễn Ngọc Tư.....	28
1.5.1. <i>Nam Cao</i> .....	28
1.5.2. <i>Nguyễn Minh Châu</i> .....	29
1.5.3. <i>Nguyễn Ngọc Tư</i> .....	31
1.6. <i>Tiểu kết</i> .....	32
<b>Chương 2: KHẢO SÁT VỀ TÍNH LIÊN KẾT CỦA NHÓM TỪ NỐI THEO PHẠM TRÙ TƯƠNG PHẢN - NHƯỢNG BỘ</b> .....	33
2.1. <i>Mở đầu</i> .....	33
2.2. <i>Tổng quát về số lượt các từ nối theo phạm trù Tương phản - Nhượng bộ được các tác giả sử dụng</i> .....	34
2.3. <i>Các từ nối và hình thức liên kết</i> .....	35
2.3.1. <i>Vị trí của từ nối trong các phát ngôn</i> .....	35
2.3.2. <i>Số lượng phát ngôn có từ nối chi phối</i> .....	35
2.4. <i>Liên kết ngữ nghĩa của từ nối theo phạm trù Tương phản - Nhượng bộ</i> .....	53
2.4.1. <i>Từ nối “Nhưng”</i> .....	55
2.4.2. <i>Từ nối “Thế nhưng”</i> .....	56
2.4.3. <i>Từ nối “Tuy”</i> .....	57
2.4.4. <i>Từ nối “Tuy vậy”</i> .....	59
2.4.5. <i>Từ nối “Mặc dầu vậy”</i> .....	61
2.4.6. <i>Từ nối “Thế mà”</i> .....	62
2.4.7. <i>Từ nối “Vây mà”</i> .....	63
2.5. <i>Tiểu kết</i> .....	64
<b>Chương 3: GIÁ TRỊ LIÊN KẾT CỦA TỪ NỐI THEO PHẠM TRÙ TƯƠNG PHẢN - NHƯỢNG BỘ (QUA TRUYỆN NGẮN CỦA NAM CAO, NGUYỄN MINH CHÂU VÀ NGUYỄN NGỌC TƯ)</b> .....	66
3.1. <i>Mở đầu</i> .....	66

<b>3.2. Giá trị liên kết của từ nói theo phạm trù Tương phản - Nhượng bộ qua các truyện ngắn của Nam Cao, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Ngọc Tư.....</b>	<b>66</b>
<b>3.2.1. Giá trị liên kết cấu trúc .....</b>	<b>66</b>
3.2.1.1. Tạo giá trị lập luận cho văn bản.....	66
3.2.1.2. Mở rộng phạm vi liên kết .....	71
<b>3.2.2. Giá trị liên kết ngữ nghĩa.....</b>	<b>77</b>
3.2.2.1. Tạo một hướng triển khai diễn đạt ngữ nghĩa .....	77
3.2.2.2. Tạo sự suy luận và hàm ý.....	81
<b>3.3. Cách thức sử dụng và phong cách của tác giả.....</b>	<b>85</b>
3.3.1. Cách thức sử dụng .....	85
3.3.2. Phong cách tác giả .....	88
<b>3.4. Tiểu kết.....</b>	<b>93</b>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>94</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>97</b>
<b>NGUỒN XUẤT XỨ TƯ LIỆU .....</b>	<b>100</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Bảng thống kê các từ nối theo phạm trù Tương phản - Nhượng bộ của 3 tác giả: Nam Cao, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Ngọc Tư	Trang 34
Bảng 2.2. Bảng thống kê số lượng phát ngôn có từ nối chi phối trong sáng tác của Nam Cao	Trang 36
Bảng 2.3. Bảng thống kê số lượng phát ngôn có từ nối chi phối trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu	Trang 42
Bảng 2.4. Bảng thống kê số lượng phát ngôn có từ nối chi phối trong sáng tác của Nguyễn Ngọc Tư	Trang 47
Bảng 2.5. Bảng thống kê các từ nối theo phạm trù Tương phản - Nhượng bộ trong các sáng tác của 3 tác giả: Nam Cao, Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Ngọc Tư	Trang 54



## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lí do chọn đề tài

Thông thường chúng ta giao tiếp với nhau không phải bằng một câu hoặc những câu rời rạc mà bằng những câu có liên quan với nhau. Từ những năm 50 của thế kỉ trước, chuyên ngành Ngôn ngữ học đã bằng lòng coi câu là đơn vị cao nhất, hoàn chỉnh nhất, không có đơn vị nào có cấp bậc cao hơn câu kể cả các nhóm câu kết hợp lại với nhau. Nhà ngôn ngữ học Pháp E. Benveniste đã khẳng định: *“Nhóm các câu không tạo nên một đơn vị bậc cao hơn so với câu. Cấp độ ngôn ngữ nằm trên cấp độ vị từ (tức cấp độ câu- TNT) là không có”*. Và cứ theo quan niệm như trên, một thời gian dài các nhà nghiên cứu ngữ pháp chỉ dừng lại ở giới hạn câu. Thế nhưng khi đi vào sử dụng, quan niệm cho rằng, câu là đơn vị cao nhất đã bộc lộ nhiều hạn chế, không đáp ứng được nhu cầu của lí luận, thực tiễn và gây ra nhiều tranh cãi. Để khắc phục được nhược điểm này, một bộ môn mới nghiên cứu các đơn vị trên câu đã ra đời đó là: Ngôn ngữ học văn bản.

Văn bản hoàn toàn không phải là một phép cộng đơn thuần của các câu có nghĩa mà giữa chúng phải có sợi dây liên hệ chặt chẽ tạo thành một chỉnh thể thống nhất, trọn vẹn, rõ ràng, mạch lạc. Vì vậy, đối với mỗi một văn bản phương tiện liên kết là nhân tố quan trọng, đồng thời là yêu cầu bắt buộc.

Để tạo thành văn bản liên kết, các câu trong đó phải gắn bó với nhau theo một nguyên tắc nhất định và theo những phương thức nhất định. Có rất nhiều phép liên kết được thể hiện trong văn bản (phép lặp, phép thế, phép đối, phép nối, phép tỉnh lược, phép liên tưởng...). Trong đó, các từ (và cụm từ) nối là những phương tiện quan trọng chỉ ra một cách tường minh mối liên hệ giữa các phát ngôn trên văn bản. Qua thống kê, trong tiếng Việt có gần 100 đơn vị từ nối theo các phạm trù: *Hợp - Tuyển, Không gian – Thời gian, Tương phản - Nhượng bộ, Giả thiết - Nguyên nhân, Khái quát - Cụ thể...* Trong luận văn này,

chúng tôi muốn đi sâu khảo sát giá trị liên kết và qua đó tìm ra giá trị ngữ nghĩa của từ nối theo phạm trù Tương phản - Nhượng bộ.

Phép nối là phép liên kết dùng các phương tiện nối để tạo nên mối liên hệ trên văn bản. Phương tiện đó có thể là từ, cụm từ, đoạn văn. Ở đây chúng tôi chỉ xem xét dạng thể hiện của phép nối bằng các phương tiện được biểu thị bằng từ và cụm từ.

Qua hệ Tương phản - Nhượng bộ được hiểu là quan hệ theo một cặp phạm trù đối lập nhau. Đây là phép liên kết phổ biến trong logic, biểu hiện một mặt của tư duy. Quan hệ Tương phản - Nhượng bộ trong ngôn ngữ thường được biểu thị bằng các từ nối như: *Nhưng, Song, Trái lại, Ngược lại, Tuy vậy, Tuy nhiên, Mặc dù, Mặt khác, Dẫu, Dẫu sao...*

Giữa các vế trong một câu và giữa các câu trong một văn bản không chỉ tồn tại mối quan hệ đơn thuần về logic, về cấu trúc, mà chúng còn được gắn kết với nhau bằng các quan hệ ngữ nghĩa. Đó mới chính là nhân tố căn bản quyết định mối liên hệ giữa các phát ngôn.

Hiện nay, liên kết logic nói chung mới chỉ được đề cập đến trong một vài công trình nghiên cứu, như “*Hệ thống liên kết văn bản trong tiếng Việt*” của Trần Ngọc Thêm; “*Văn bản và liên kết trong tiếng Việt*”; “*Văn bản, mạch lạc, liên kết đoạn văn*” của Diệp Quang Ban... Tuy vậy, những công trình này mới chỉ dừng lại ở chỗ giới thiệu nét khái quát nhất chứ chưa đi vào nghiên cứu cụ thể, toàn diện tất cả vai trò, hoạt động của những từ nối làm phương tiện liên kết.

Trong tiếng Việt, từ trước đến nay, từ (hay cụm từ) được dùng làm từ nối đã được nghiên cứu khá sâu trên phương diện ngữ pháp. Nhưng trên phương diện ngữ dụng lại chưa được quan tâm nhiều. Chỉ mới mười lăm năm trở lại đây, khi mà dụng học được khẳng định và tỏ ra là một địa hạt hiệu quả trong việc giải thích những hiện tượng ngôn ngữ trong hoạt động tương tác ngôn từ thì người ta mới chú ý nhiều tới nhân tố dụng ngôn của nhóm từ này. Có thể kể đến những tác giả tiêu biểu như: Nguyễn Đức Dân, Cao Xuân Hạo, Đỗ Hữu